**BẢNG TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**ĐỐI VỚI NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH**

**LUẬT TIÊU CHUẨN VÀ QUY CHUẨN KỸ THUẬT**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tổ chức, cá nhân** | **Kiến nghị, ý kiến** | **Điều khoản** | **Xử lý, kiến nghị** | **Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung** |
| **I. Góp ý chung** |
|  | Vụ Pháp chế | Đề nghị rà soát toàn bộ nội dung được giao Chính phủ quy định chi tiết và thi hành tại Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2025) (sau đây viết tắt là Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật được đươsửa đổi, bổ sung năm 2025) để quy định các nội dung chi tiết trong dự thảo Nghị định nhằm bảo đảm tính đúng, đủ, toàn diện, thống nhất của dự thảo Nghị định. |  | Tiếp thu. Đã tiến hành rà soát quy định các nội dung chi tiết trong dự thảo Nghị định nhằm bảo đảm tính đúng, đủ, toàn diện, thống nhất của dự thảo Nghị định. Ngoài ra, Điều 71 Luật TC&QCKT năm 2006 quy định Chính phủ quy định chi tiết Luật này nên ngoài những điều khoản giao Chính phủ quy định chi tiết cụ thể thì có thể quy định thêm các điều khoản khác trong trường hợp cần thiết.  |  |
|  | Vụ Pháp chế | Trong hồ sơ gửi xin ý kiến dự thảo nghị định: - Đề nghị cân nhắc bổ sung Bản so sánh dự thảo Nghị định: (1) các dự thảo Nghị định của các bước trong việc quá trình xây dựng; (2) căn cứ bổ sung, thay thế tại dự thảo Nghị định- Đề nghị bổ sung dự thảo Tờ trình: cần bảo đảm đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đồng thời, đề nghị làm rõ dự thảo Nghị định (văn bản thay thế) có hay không việc thuộc khoản 4 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 |  | Tiếp thu. Đã bổ sung đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ. |  |
|  | Vụ Pháp chế | Đề nghị rà soát các nội dung quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ |  | Tiếp thu. |  |
|  | Cục ĐMST | Đề nghị chỉnh sửa một số lỗi chính tả (Ví dụ: Điều 5 có 2 mục 5; khoản 1 Điều 7 thừa cụm từ “xây dựng”, …). |  | Tiếp thu. |  |
|  | Cục SHTT | Tại phần Căn cứ ban hành của dự thảo Nghị định, đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh lý, bổ sung nội dung của Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 ngày 18/02/2025 thay thế cho Luật Tổ chức Chính phủ 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019) |  | Tiếp thu |  |
|  | Văn phòng Bộ | Đề nghị cân nhắc trích yếu ngắn ngọn nhưng vẫn thể hiện được nội dung hướng dẫn Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung năm 2025 |  | Tiếp thu |  |
|  | Vụ Pháp chế | Đề nghị sửa tên thành “Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật được sửa đổi, bổ sung năm 2025.” |  | Tiếp thu |  |
|  | Văn phòng Bộ | Dự thảo đang quy định có các thủ tục hành chính (TTHC) nội bộ, vì vậy, đề nghị Quý Ủy ban xây dựng các TTHC nội bộ bảo đảm mỗi TTHC nội bộ đáp ứng đầy đủ các yếu tố cấu thành cơ bản |  | Tiếp thu |  |
|  | Văn phòng Bộ | Tại dự thảo đang có 2 cụm từ chưa thống nhất là “bãi bỏ”, “hủy bỏ”, do vậy cần thống nhất cách sử dụng để phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật |  | Tiếp thu. Thống nhất sử dụng từ “bãi bỏ” |  |
|  | Văn phòng Bộ | Đề nghị thống nhất cách quy định thời gian trong dự thảo Nghị định “Trước 7 ngày thì quy định là “ngày làm việc”, sau 7 ngày thì quy định là “ngày” theo đúng quy định tại Thông tư số 03/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp, hiện tại, dự thảo đang quy định “ngày làm việc” chưa phù hợp, ví dụ: Khoản 1 Điều 10, khoản 4 Điều 25, điểm e khoản 2 Điều 28. |  | Tiếp thu. |  |
|  | Văn phòng Bộ | Đề nghị mẫu hóa thành phần hồ sơ để thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và theo yêu cầu của Văn phòng Chính phủ, ví dụ: Mẫu hóa Công văn đề nghị thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,… |  | Giải trình: đề nghị quy định tại Thông tư hướng dẫn để đảm bảo tính linh hoạt/ |  |
|  | Vụ Pháp chế | Đề nghị rà soát và chỉnh lý lại nội dung dự thảo Nghị định bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 65 (Quy định về phạm vi điều chỉnh của văn bản) Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, theo đó: - Trường hợp văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn có điều, khoản giao quy định chi tiết thì phải nêu cụ thể điều, khoản đó tại điều, khoản quy định về phạm vi điều chỉnh của văn bản. - Trường hợp văn bản quy định chi tiết nhiều điều, khoản hoặc vừa quy định chi tiết các điều, khoản được giao vừa quy định các nội dung khác thì phải nêu đầy đủ trong phần quy định về phạm vi điều chỉnh của văn bản. |  | Tiếp thu |  |
|  | Vụ Hợp tác quốc tế | Đề nghị rà soát một số nội dung chưa hợp lý, ví dụ như Khoản 1 Điều 4 quy định hình thức phải là “trao đổi trực tiếp” nhưng Khoản 2 lại có hình thức gửi lấy ý kiến bằng văn bản; rà soát quy định nội dung trùng lặp tại Khoản 1 và Khoản 7 Điều 8 |  | - Tiếp thu nội dung sửa đổi khoản 1 Điều 4.- Đối với nội dung tại Khoản 1 và Khoản 7 Điều 8 không có sự trùng lặp vì khoản 1 Điều 8 quy định chung về trách nhiệm tổ chức, quản lý hoạt động của Mạng lưới TBT Việt Nam còn khoản 7 quy định về việc vận hành Cổng Thông tin TBT Việt Nam. |  |
|  | Vụ Pháp chế | Tại Điều 3 (Đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật): đây là nội dung quy định chi tiết tại khoản 2 Điều 5 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật được sửa đổi, bổ sung năm 2025. Tuy nhiên, tại Điều 3 có 06 khoản, các khoản này có cách thức hướng tới nội dung khác nhau, cụ thể: tại khoản 1 “Sản phẩm, hàng hoá được sản xuất để sử dụng trong nước; sản phẩm, hàng hoá xuất khẩu; sản phẩm, hàng hoá nhập khẩu” (có thể được hiểu sản phẩm, hàng hóa được phân định theo cách thức quản lý nhà nước đối với sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu, tuy nhiên thực tế hiện nay thì cơ bản chưa có từng quy chuẩn kỹ thuật riêng về sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu đối với cùng loại hàng hóa xác định); tại khoản 2 “Dịch vụ liên quan đến các hoạt động sau: thương mại; bưu chính, viễn thông; công nghệ thông tin; xây dựng; giáo dục, đào tạo; lao động, dạy nghề; tài chính; ngân hàng; y tế; du lịch; văn hoá, giải trí; thể dục, thể thao; giao thông, vận tải; khoa học, công nghệ…” (có thể được hiểu là liệt kê tên loại dịch vụ cụ thể trong các hoạt động, lĩnh vực của đời sống xã hội); khoản 5 “Mã đơn nhất để định danh duy nhất các đối tượng như sản phẩm, dịch vụ, địa điểm, tài sản, và các đối tượng khác trong chuỗi cung ứng tiếp cận, phương thức khác nhau đối với các đối tượng cần quy định chi tiết” (nội dung này thuộc đối tượng khác hay đối tượng nào tại các khoản của Điều 3 dự thảo Nghị định). Do đó, đề nghị rà soát lại Điều này | Điều 3 | Tiếp thu. Quy định này kế thừa từ Nghị định 127/2007/NĐ-CP, bổ sung quy định về Mã đơn nhất để định danh. |  |
|  | Vụ Pháp chế | Tại Điều 4 quy định về tham vấn: tuy nhiên, tại Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật được sửa đổi, bổ sung năm 2025 không có nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết về tham vấn. Do đó, đề nghị nghiên cứu việc thể hiện nội dung tham vấn trong cả 01 Điều tại dự thảo Nghị định. Đồng thời, đề nghị rà soát các quy định tham vấn bảo đảm phù hợp với thực tế trong hoạt động tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025. | Điều 4 | Giải trình: Điều 71 Luật TC&QCKT năm 2006 quy định Chính phủ quy định chi tiết Luật này nên ngoài những điều khoản giao Chính phủ quy định chi tiết cụ thể thì có thể quy định thêm các điều khoản khác trong trường hợp cần thiết. Các quy định về tham vấn được xây dựng trên cơ sở tham khảo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ.  |  |
|  | Vụ CN | Đề nghị bổ sung quy định về thời gian tối thiểu thực hiện tham vấn (ví dụ: tối thiểu 30 ngày làm việc) để bảo đảm tính thực chất và quyền được tham gia ý kiến của các bên liên quan.  | Điều 4 | Giải trình: Việc tham vấn được thực hiện thông qua trao đổi trực tiếp nên không cần thiết quy định thời gian tối thiểu thực hiện tham vấn |  |
|  | Vụ CN | Đề nghị bổ sung cơ chế công khai kết quả tham vấn, như đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ, nhằm bảo đảm tính minh bạch và tăng cường trách nhiệm giải trình | Điều 4 | Tiếp thu. |  |
|  | Vụ KHTC | Đề nghị xem xét chỉnh sửa lại quy định tại khoản 4 Điều 5 dự thảo Nghị định: “4. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ quy định cụ thể việc quản lý, sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này” để bảo đảm phù hợp quy định tại khoản 8 và khoản 15 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật giao Chính phủ quy định chi tiết; rà soát quy định tại Điều 28 Luật Ngân sách nhà nước | Khoản 4 Điều 5 | Giải trình: đã rà soát và nhận thấy phù hợp với Luật Ngân sách Nhà nước. |  |
|  |  | Đề nghị sửa thành “5. Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình thực hiện dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tương ứng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dựa trên các nguyên tắc: a) Dựa trên thành tựu khoa học và công nghệ, bảo đảm tính ổn định trong thời gian nhất định và phù hợp với yêu cầu thực tiễn; b) Được xây dựng theo từng sản phẩm, dịch vụ riêng hoặc nhóm các sản phẩm, dịch vụ tương đồng về nội dung, quy trình thực hiện, giống nhau về tính chất, phương tiện, trình tự thực hiện các hạng mục công việc của sản phẩm, dịch vụ công. Khi xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, cơ quan chủ trì xác định dịch vụ, nhóm các dịch vụ và thuyết minh chi tiết. c) Bảo đảm tính thống nhất trong công tác xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước; d) Đảm bảo tính đúng, tính đủ, đúng định mức, tính phù hợp và hiệu quả trong quản lý, thực hiện dịch vụ sự nghiệp công”. |  | Tiếp thu. |  |
|  | Vụ KHTC | Đề nghị nghiên cứu, xem xét lại quy định tại khoản 6 Điều 5 dự thảo Nghị định (tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật không có quy định về ưu đãi đối với trường hợp này): “6. Tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí của mình nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, hỗ trợ nghiên cứu xây dựng quy chuẩn kỹ thuật được hưởng ưu đãi về thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo” | Khoản 6 Điều 5 | Giải trình:- Quy định này được kế thừa từ Nghị định 127/2007/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 78/2018/NĐ-CP/- Quy định này nhằm cụ thể hóa chính sách tại khoản 3 Điều 7 của Luật “Huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư từ hiệp hội, hội, doanh nghiệp trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật” |  |
|  | Vụ Pháp chế | Tại khoản 3 Điều 6 về nội dung “Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố có trách nhiệm phối hợp với Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia để thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn, xây dựng tiêu chuẩn quốc tế.”: đề nghị rà soát lại nội dung bảo đảm tính tương ứng, thứ nguyên trong công tác hành chính | Khoản 3 Điều 6 | Giải trình: Quy định Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố có trách nhiệm phối hợp với Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia là phù hợp, không trái với các quy định hiện hành việc phối hợp trong công tác quản lý, phù hợp thông lệ quốc tế |  |
|  | Vụ Hợp tác quốc tế | Cân nhắc làm rõ cơ chế xây dựng lập trường, ý kiến của quốc gia. Để đảm bảo tiếng nói của Việt Nam thống nhất và có trọng lượng tại các diễn đàn quốc tế, ý kiến cần được tổng hợp thông qua Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia từ các bên liên quan trong nước (cơ quan, tổ chức, hiệp hội, hội, doanh nghiệp). Đồng thời nên có cơ chế phối hợp nhanh giữa các cơ quan liên quan để đảm bảo thời hạn góp ý cho các tiêu chuẩn quốc tế trong điều kiện thực tế. | Điều 6 | Giải trình: Quy định tại dự thảo Nghị định đã giao Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia đại diện Việt Nam thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn hoá với các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế, khu vực, nước ngoài phù hợp với quy định tại Luật SĐBSMSĐ của Luật TC&QCKT. Trường hợp giao Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia tổng hợp ý kiến ttừ các bên liên quan trong nước (cơ quan, tổ chức, hiệp hội, hội, doanh nghiệp) sẽ dẫn đến trùng lặp trách nhiệm với Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia và không đảm bảo tính linh hoạt, phù hợp với thực tiễn vì các Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia có thời hạn hoạt động nhất định, không phải lúc nào cũng hoạt động và có những lĩnh vực trên thực tiễn chưa có Ban kỹ thuật tương ứng phù hợp.Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan được thực hiện tùy vào từng tiêu chuẩn quốc tế nên không cần thiết phải quy định cơ chế phối hợp nhanh. |  |
|  | Vụ ĐTG | Điểm a khoản 1 Điều 6 quy định: “a) Hỗ trợ kinh phí công tác phí, chi phí tham dự, dịch thuật tài liệu, niên liễm thành viên”. Đề nghị giải thích rõ khái niệm “niên liễm thành viên” và thay thế bằng từ đồng nghĩa thuần Việt | Điểm a khoản 1 Điều 6 | Tiếp thu. Đã sửa thành “khoản đóng góp định kỳ hàng năm” |  |
|  | Cục Viễn thông | Xem xét rà soát, đảm bảo sự đồng bộ các nội dung của Điều 7 Chiến lược Tiêu chuẩn Quốc gia với dự thảo Quyết định phê duyệt Chiến lược Tiêu chuẩn Quốc gia đến năm 2030 mà Quý Ủy ban đang xây dựng. | Điều 7 | Tiếp thu. Đã rà soát để đảm bảo tính đồng bộ. |  |
|  | Vụ Hợp tác quốc tế | Theo khuyến nghị của ISO, Chiến lược Tiêu chuẩn hóa Quốc gia (NSS) được coi là tài liệu có thể cập nhật liên tục (living document) và cần được rà soát hằng năm để thích nghi với các thay đổi của môi trường kinh tế, chính trị trong nước. Vì vậy, đề nghị Ủy ban TĐC cân nhắc bổ sung quy định về tần suất rà soát để đảm bảo NSS của Việt Nam luôn phù hợp và hiệu quả với điều kiện thực tiễn trong từng thời kỳ. Đồng thời rà soát đảm bảo phù hợp với Đề án tăng cường hội nhập quốc tế về TĐC | Điều 7 | Giải trình: dự thảo Nghị định đã có quy định Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia được xây dựng phù hợp với mục tiêu, định hướng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Việc rà soát hằng năm nên được thực hiện với mục đích đảm bảo các nhiệm vụ, mục tiêu thực hiện Chiến lược được triển khai, không nên sửa đổi Chiến lược hàng năm để đảm bảo tính ổn định và ý nghĩa của Chiến lược. |  |
|  | Cục Viễn thông | Xem xét quy định về tính pháp lý đối với cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng | Điều 9 | Giải trình:Luật Dữ liệu năm 2024 đã quy định như sau:- Khoản 10 Điều 3 quy định Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia là cơ sở dữ liệu được tổng hợp từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ sở dữ liệu khác.- Khoản 2 Điều 8: Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu.Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng là một cấu phần của Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và Hạ tầng Chính phủ điện tử số phục vụ người dân, doanh nghiệp. |  |
|  | Vụ Hợp tác quốc tế | Cân nhắc điều chỉnh khoản 3 Điều 9 dự thảo Nghị định theo hướng làm rõ vai trò của việc số hóa không chỉ dừng lại ở việc lưu trữ, phục vụ công tác quản lý nhà nước, mà còn bao gồm cả quá trình phổ biến và cung cấp tiêu chuẩn trực tuyến | Khoản 3 Điều 9 | Tiếp thu. |  |
|  | Vụ ĐTG | Khoản 4 Điều 9 có điểm a, c, d, không có điểm b, đề nghị chỉnh sửa. | Khoản 4 Điều 9 | Tiếp thu. |  |
|  | Vụ ĐTG | Đề nghị chỉnh sửa lại cho chính xác như sau: “+ Dữ liệu quốc gia về đo lường quy định tại điểm d khoản 1 Điều này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước được Chính phủ giao. + Dữ liệu quốc gia về đánh giá sự phù hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước được Chính phủ giao. + Dữ liệu quốc gia về thông báo và hỏi đáp …được Chính phủ giao”. | Khoản 4 Điều 9  | Tiếp thu. |  |
|  | Cục Viễn thông | Việc cung cấp thông tin “về giấy đăng ký, chỉ định, phạm vi thực hiện đánh giá sự phù hợp đã được cấp phép” xem xét quy định phải do cơ quan cấp giấy chứng nhận, quyết định chỉ định cập nhật sẽ đảm bảo tính khách quan và chính xác. | Điểm d khoản 4 Điều 9  | Tiếp thu.Nội dung đã quy định phân cấp cho các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện hoạt động này. Cơ quan nào trực tiếp cấp giấy đăng ký, chỉ định…thì có trách nhiệm cập nhật lên cơ sở dữ liệu này. |  |
|  | Vụ KHTC | Tại khoản 2 và điểm a khoản 4 Điều 9 dự thảo Nghị định, đề nghị bổ sung thêm nội dung Dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng bao gồm cả “Thông tin phản ánh, xử lý kiến nghị của tổ chức, cá nhân về hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng” để phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 1 (nội dung bổ sung Điều 8c) Luật | Điều 9 | Tiếp thu. |  |
|  | Vụ KHTC | Đề nghị bổ sung quy định về thời hạn định kỳ cập nhật dữ liệu lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng tại khoản 4 Điều 9 dự thảo Nghị định “2. Quy chuẩn kỹ thuật là văn bản kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành bằng văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực được phân công quản lý. Trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của Chính phủ.” | Điều 9 | Giải trình.Điểm c khoản 4 Điều 9 đã quy định các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm cung cấp, cập nhật đầy đủ, chính xác, toàn vẹn, kịp thời thông tin, dữ liệu về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng, thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước được phân công, lên Cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định pháp luật.Việc cập nhật dữ liệu là liên tục, tối đa có thể theo thời gian thực xử lý hồ sơ (không nên quy định định kỳ). |  |
| **II. Xây dựng, công bố tiêu chuẩn** |
|  | Vụ CN | - Khoản 1: Cần làm rõ nội dung “lấy ý kiến công khai kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia” là lấy ý kiến đối với toàn bộ danh mục hay từng tiêu chuẩn cụ thể? - Khoản 3: Đề nghị bổ sung quy định cụ thể về thời hạn “lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức liên quan” nhằm tránh kéo dài quy trình. | Điều 10 | Giải trình: lấy ý kiến công khai kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia là lấy ý kiến đối với toàn bộ danh mục vì kế hoạch TCVN chỉ có danh mục các TCVN, không có nội dung TCVN cụ thể.Tiếp thu bổ sung nội dung lấy ý kiến công khai kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia trong thời hạn cụ thể là ba mươi ngày |  |
|  | Cục ĐMST | Nội dung hiện chỉ quy định về quyền lợi, vì vậy cần bổ sung nội dung quy định nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng TCVN | Điều 11 | Tiếp thu. |  |
|  | Cục ĐMST | Đề nghị chỉnh sửa khoản 6 Điều 11 như sau “Được ưu tiên tiếp cận vốn cho đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ, …”. Ngoài ra, xem xét quy định cụ thể nguồn vốn cho đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ phù hợp với quy định hiện hành | Điều 11 | Tiếp thu. |  |
|  | Cục ĐMST | Xem xét bổ sung quy định giao các Bộ, ngành liên quan ban hành hướng dẫn cụ thể về trình tự thủ tục, tiêu chí, hồ sơ để tổ chức, cá nhân được hưởng các quyền lợi tại Điều này. | Điều 11 | Giải trình: đề nghị giao Bộ KH&CN hướng dẫn cụ thể tại Thông tư để đảm bảo tính linh hoạt |  |
|  | Vụ CN | Việc quy định “biểu quyết thông qua với ít nhất 3/4 số thành viên” là phù hợp. Tuy nhiên, đề nghị bổ sung quy định đối với trường hợp không đạt được đồng thuận, ví dụ: trình Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định. | Điều 12 | Giải trình: đề nghị không bổ sung quy định đối với trường hợp không đạt được đồng thuận thì trình Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định vì một trong những nguyên tắc của xây dựng tiêu chuẩn là nguyên tắc đồng thuận, trường hợp trình Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thì có thể nguyên tắc này sẽ không được đảm bảo. |  |
|  | Vụ ĐTG | Dự thảo Luật quy đinh: “c) Khuyến khích xây dựng tiêu chuẩn quốc gia trên cơ sở chấp nhận hoàn toàn tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài theo hướng dẫn của Tổ chức tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO), phù hợp với điều kiện của Việt Nam”. Tuy nhiên, tại Dự thảo Nghị định chưa có quy định hướng dẫn cụ thể nội dung này, đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, bổ sung | Điều 13 | Tiếp thu. Đã bổ sung quy định: “Việc chấp thuận hoàn toàn tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài được thực hiện theo TCVN 6709-1 : 2007 và TCVN 6709-2:2007.” tại khoản 4 Điều 13. |  |
|  | Vụ Hợp tác quốc tế | Cân nhắc bổ sung nguyên tắc chung về chính sách giá đối với TCVN, đặc biệt là những tiêu chuẩn được chấp nhận hoàn toàn từ tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn nước ngoài. Cần cân bằng giữa việc tạo điều kiện cho các doanh nghiệp (đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa) tiếp cận tiêu chuẩn và đảm bảo tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, cũng như duy trì nguồn thu cho hoạt động của cơ quan xây dựng tiêu chuẩn theo khuyến nghị của ISO |  | Giải trình: Luật SĐBSMSĐ của Luật TC&QCKT đã có quy định “Việc xuất bản, phát hành tiêu chuẩn phải tuân thủ pháp luật về xuất bản, sở hữu trí tuệ” do đó, không cần thiết phải bổ sung nguyên tắc chung về chính sách giá đối với TCVN, đặc biệt là những tiêu chuẩn được chấp nhận hoàn toàn từ tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn nước ngoài. |  |
| **III. Xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật** |
|  | Cục Tần số vô tuyến điện | Xem xét sửa đổi từ “tiêu chuẩn” thành “quy chuẩn” cho phù hợp | Khoản 2 Điều 27 | Tiếp thu |  |
|  | Cục Viễn thông | Xem xét làm rõ hơn khái niệm về các đối tượng chịu sự tác động được quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 30 | Điểm a khoản 1 Điều 30 | Giải trình: đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của quy chuẩn kỹ thuật có thể bao gồm doanh nghiệp, hiệp hội, người dân… |  |
|  | Cục Tần số vô tuyến điện | Xem xét sửa đổi dẫn chiếu khoản 1 Điều 30 do không có danh mục tài liệu quy định ở khoản này. | Khoản 1 Điều 32 | Tiếp thu |  |
|  | Cục Tần số vô tuyến điện | Đề nghị đơn vị soạn thảo hướng dẫn cụ thể hơn quy định tại khoản 1 Điều 33 về nguyên tắc mỗi SPHH chỉ có một quy chuẩn kỹ thuật; đồng thời có điều khoản chuyển tiếp để các Bộ, Ngành nghiên cứu rà soát và sửa đổi hệ thống QCVN hiện có phù hợp với quy định mới và không bị gián đoạn hoạt động quản lý và sản xuất kinh doanh | Khoản 1 Điều 33 | Giải trình: khoản 1 Điều 33 dự thảo Nghị định quy định phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 26a Luật TC&QCKT được sửa đổi, bổ sung năm 2025. Đây là quy định mang tính nguyên tắc chung để tránh trùng lặp, chồng chéo trong quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Các quy chuẩn kỹ thuật có thể viện dẫn đến các quy chuẩn kỹ thuật khác theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 26a Luật TC&QCKT được sửa đổi, bổ sung năm 2025. |  |
|  | Cục Tần số vô tuyến điện | Xem xét sửa đổi “Thiết bị viễn thông, tần số vô tuyến điện và thiết bị phát, thu phát sóng vô tuyến điện;” thành “Thiết bị viễn thông, thiết bị vô tuyến điện, phát xạ vô tuyến điện, tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện; thiết bị ứng dụng vô tuyến điện;” | Khoản 1 Điều 33 | Tiếp thu |  |
|  | Cục Viễn thông | Xem xét quy định tại khoản 3 Điều 33 để đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 27 của Luật sửa đổi | Khoản 3 Điều 33 | Tiếp thu. Bỏ quy định báo cáo Chính phủ quyết định trong trường hợp không thống nhất được do Bộ KH&CN là cơ quan quyết định  |  |
|  | Cục Viễn thông | Đề nghị bổ sung hướng dẫn trong Nghị định đối với nội dung khoản 3, Điều 37 của Luật sửa đổi, bổ sung, liên quan đến việc tạm ngừng hiệu lực áp dụng của quy chuẩn kỹ thuật. |  | Giải trình: Luật TC&QCKT được sửa đổi, bổ sung năm 2025 đã quy định việc tạm ngưng được thực hiện theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản QPPL (Điều 56 Luật Ban hành VBQPPL) nên không cần thiết phải quy định lại. |  |
| **IV. Đánh giá sự phù hợp** |
|  | Vụ Pháp chế | Đề nghị rà soát lại sự phù hợp của quy định này, vì tại khoản 5 Điều 47 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật được sửa đổi, bổ sung năm 2025 đã quy định “Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định phương thức chứng nhận hợp quy.”. Do đó, các nội dung nào tại Luật đã phân công cụ thể cơ quan, người có thẩm quyền quy định chi tiết thì chính cơ quan đó sẽ quy định chi tiết để bảo đảm tính tuân thủ, khả thi của Luật đã được Quốc hội thông qua. | Điều 40 | Giải trình:Nội dung tại dự thảo Nghị định quy định những nội dung cơ bản nhất về các phương thức chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy làm cơ sở quy định nội dung chi tiết tại Thông tư hướng dẫn do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định. |  |
|  | Vụ Pháp chế | Đề nghị rà soát lại nội dung này trong dự thảo Nghị định, để bảo đảm dự thảo Nghị định không mở rộng các nội dung quy định chi tiết mà Luật không giao Chính phủ quy định chi tiết | Điều 42 | Tiếp thu. |  |
|  | Cục Viễn thông | Xem xét quy định rõ ràng và chi tiết việc triển khai áp dụng, kèm theo các điều kiện và trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện; xem xét quy định trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ và Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc quản lý ký kết các thỏa thuận thừa nhận giữa các tổ chức đánh giá sự phù hợp, nhằm đảm bảo tính đồng bộ với quy định tại khoản 1, Điều 57 của Luật sửa đổi | Điều 44 | Giải trình:Nội dung đã quy định cụ thể trách nhiệm của từng bộ ngành (Bộ quản lý chuyên ngành, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Ngoại giao) trong việc ký kết, thực hiện hiệp định thừa nhận (cấp chính phủ) và trách nhiệm của các tổ chức đánh giá sự phù hợp trong trong việc ký kết, thực hiện thoả thuận thừa nhận lẫn nhau (cấp doanh nghiệp). |  |
|  | Cục Viễn thông | Tại khoản 3 Điều 44 về việc thừa nhận đơn phương kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài: Cần làm rõ nội hàm khái niệm "năng lực thử nghiệm, chứng nhận, kiểm định trong nước còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu và chuẩn mực quốc tế" để đảm bảo tính rõ ràng và dễ dàng trong quá trình thực hiện. | Khoản 3 Điều 44 | Tiếp thu.Phương án sửa: “năng lực thử nghiệm, chứng nhận, kiểm định trong nước còn hạn chế, chưa có khả năng thực hiện các hoạt động đánh giá sự phù hợp này”. |  |
|  | Cục Viễn thông | Cần quy định chi tiết để các Bộ, trong đó có Bộ Khoa học và Công nghệ, thực hiện việc thừa nhận đơn phương kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức đánh giá, chứng nhận nước ngoài đối với một số đối tượng đặc thù như hạ tầng trung tâm dữ liệu và công nghệ mới …đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tế quản lý |  | Giải trình:Nội hàm “lĩnh vực mà năng lực thử nghiệm, chứng nhận, kiểm định trong nước còn hạn chế” đã bao gồm một số đối tượng đặc thù như hạ tầng trung tâm dữ liệu và công nghệ mới …mà các tổ chức đánh giá sự phù hợp của Việt Nam hiện nay chưa có năng lực thực hiện đánh giá. |  |